

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Trụ sở chính: 01 Hoàng Văn Thu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, T/p Hải Phòng
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp, mã số:0200119965 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở
kế hoạch đầu tư T/p Hải Phòng cấp ngày 04-07-2013

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 ngày 28 tháng 04 năm 2016, tại Hội trường số 01 Hoàng Văn Thu, phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, T/P Hải Phòng, Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Các cổ đông công ty

- Số lượng cổ đông toàn Công ty : 1.441 cổ đông.
- Số lượng cổ đông trực tiếp và/hoặc được ủy quyền hợp lệ tại Đại hội: 291 cổ đông.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Phát biểu khai mạc cuộc họp:

Ông Dương Ngọc Tú - Trưởng ban tổ chức khai mạc Đại hội.

2. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Ban kiểm tra tư cách cổ đông :

*Ông Dương Ngọc Tú - Trưởng ban tổ chức giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm các ông có tên sau:

a. Đoàn Chủ tịch:

- 1- Ông Mai Xuân Ngoạt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP vận tải biển Vinaship
- 2- Ông Vương Ngọc Sơn, P.chủ tịch HĐQT, TGD Công ty CP vận tải biển Vinaship
- 3- Ông Đỗ Hùng Dương, Ủy viên HĐQT

b. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Đại hội đã thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm những ông có tên sau với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội

1. Ông Nguyễn Nam Phong, trưởng ban
2. Ông Đinh Huy Dũng, ủy viên
3. Ông Nguyễn Cảnh Dương, ủy viên

3. Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội

Đoàn chủ tịch đã chỉ định ban thư ký Đại hội gồm các ông, bà có tên sau:

- Ông Trần Danh Tuyên
- Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc

4. Báo cáo tình hình cổ đông hiện diện:

Ông Nguyễn Nam Phong - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Tổng số cổ đông của Công ty được mời họp theo danh sách cổ đông là 1.441 cổ đông đại diện 20.000.000 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.

Số lượng cổ đông, đại diện cổ đông tham dự cuộc họp: 291 cổ đông

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự họp 14.186.700 cổ phần chiếm 71,00% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

* Trường ban tổ chức tuyên bố cuộc họp đủ điều kiện được tiến hành theo Quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014.

5. Ông Mai Xuân Ngoạt, chủ toạ đoàn hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình làm việc và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã biểu quyết thông qua chương trình làm việc và quy chế làm việc của Đại hội với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

6. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

* Ông Mai Xuân Ngoạt, Chủ tịch HĐQT công ty trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016.

7. Báo cáo kết quả SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016

Ông Vương Ngọc Sơn, P.chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc trình bày báo cáo SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016; cụ thể như sau:

- Kết quả SXKD năm 2015:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2015	KH năm 2015	Tỷ lệ % KH
1	Sản lượng vận tải	Tấn TEU	1.868.384 11.493	2.100.000	103.80
2	Tổng doanh thu SXKD	đ	695.322.884.393	680.000.000.000	102.25
	+ Vận tải	-	549.988.545.481	550.000.000.000	100.00
	+ Dịch vụ	-	145.334.338.912	130.000.000.000	111.79
3	Thu nhập khác	-	14.290.476.258	-	-
4	Lợi nhuận trước thuế	-	(39.706.400.956)	2.000.000.000	-
5	Thanh lý tàu biển	Chiếc	01	Bán 01- 02 tàu già	100,00

- Kế hoạch SXKD 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2015	KH năm 2016	So sánh (%)
1	Số tàu	Chiếc	10	10	100,00
2	Sản lượng vận tải	Tấn TEU	1.868.384 11.493	1.700.000	92,05
3	Tổng doanh thu SXKD	đồng	695.322.884.393	652.958.000.000	93,09
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(39.706.400.956)	Giảm lỗ tối đa	-
5	Đầu tư	tàu	Bán 01 tàu	Mua 01 tàu	-
6	Cổ tức	%	-	-	-

Ghi chú: - Đầu tư: Mua 01 tàu đã qua sử dụng nếu điều kiện thuận lợi

- Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm các hợp đồng dài hạn, kinh doanh đội tàu linh hoạt, cắt giảm chi phí hơn nữa; tiếp tục cơ cấu nợ để giảm lỗ tối đa và hướng tới mục tiêu cân bằng thu chi trong năm 2016.

8. Báo cáo Ban kiểm soát:

* Ông Tô Hanh, Trưởng ban kiểm soát báo cáo công tác của Ban kiểm soát năm 2015.

9. Báo cáo thay đổi điều lệ

9.1. Ông Dương Ngọc Tú, ủy viên HĐQT trình bày nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động tại tờ trình số 142/TTr-HĐQT, ngày 15 tháng 04 năm 2016 của HĐQT Công ty và đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua từng chương/ điều /khoản trong nội dung sửa đổi.

9.2 Đại hội đã thông qua từng chương /điều /khoản trong nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty tại tờ trình số 142/TTr-HĐQT, ngày 15 tháng 04 năm 2016 của HĐQT

2011
CÔNG
CỔ PH
AN TÀ
VINAS
ANG -

Công ty với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành cho từng chương /điều /khoản đều đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

10. Báo cáo quyết toán tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

+ Ông Đỗ Hùng Dương, Ủy viên HĐQT trình bày:

- Báo cáo thù lao HĐQT & BKS 2015, mức chi năm 2016.
- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2015 đã được kiểm toán; đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam hoặc Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
- Đề xuất tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được phép tối đa là 49% vốn điều lệ

11. Thảo luận và giải đáp tại Hội trường:

Ông Bùi Việt Hoài, Phó TGD Tổng công ty hàng hải Việt nam (Vinalines), đại diện cho cổ đông có cổ phần chi phối, Vinalines đã tham gia ý kiến về công tác quản lý khai thác đội tàu, cắt giảm chi phí; đồng thời đề nghị ban lãnh đạo Công ty CP vận tải biển Vinaship đổi mới phương thức đầu tư, kinh doanh tập trung nhiều hơn vào hình thức thuê tàu để khai thác vừa đảm bảo đủ số trọng tải thiết nhưng lại giảm được áp lực về tài chính đầu tư.

12. Biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ

Ông Mai Xuân Ngoạt, thay mặt đoàn chủ tịch lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.

- 12.1. Đại hội đã biểu quyết thông qua báo cáo HĐQT, BKS, năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.
- 12.2. Đại hội đã thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
- 12.3. Đại hội đã thông qua kết quả SXKD và đầu tư năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội; gồm các chỉ tiêu chính sau:

a. Kết quả SXKD năm 2015

- Sản lượng : 1.868.384 tấn & 11.493 TEU, đạt 103,80% kế hoạch
- Tổng doanh thu SXKD : 695.322.884.393đ đạt 102,25% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế : (39.706.400.956)đ

b. Thanh lý tàu biển : 01 tàu (tàu Hà Nam)

- 12.4. Đại hội đã thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội; bao gồm các chỉ tiêu chính sau:

a. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

- + Sản lượng : 1.700.000 tấn
- + Tổng doanh thu SXKD : 652.958.000.000đ
- + Lợi nhuận trước thuế : Giảm lỗ tối đa \

(Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm các hợp đồng dài hạn, kinh doanh đội tàu linh hoạt, cắt giảm chi phí hơn nữa; tiếp tục cơ cấu nợ để giảm lỗ tối đa và hướng tới mục tiêu cân bằng thu chi trong năm 2016)

b. Kế hoạch đầu tư: Mua 01 tàu đã qua sử dụng nếu điều kiện thuận lợi, ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định và triển khai thực hiện.

9963
S. TY
- AN
BIỂU
SHIP
TP. H. A

12.5. Đại hội đã thông qua mức chi thù lao HĐQT và BKS năm 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự đại hội; cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000đ/tháng
- Phó chủ tịch & Ủy viên HĐQT : 2.000.000đ/tháng
- Trưởng BKS : 2.000.000đ/tháng
- Ủy viên BKS và Thư ký HĐQT : 1.000.000đ/tháng

12.6 Thông nhất ủy quyền cho hội đồng quản trị công ty lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam hoặc Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

12.7 Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty CP vận tải biển Vinaship tối đa là 49% vốn điều lệ với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

III. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội thông qua Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Cuộc họp bế mạc vào hồi 11 giờ 30' cùng ngày.

Biên bản cuộc họp lập thành 05 bản gốc, 02 bản lưu tại trụ sở chính của Công ty và 03 bản còn lại gửi các cơ quan chức năng.

ĐẠI DIỆN BAN THƯ KÝ



Trần Danh Tuyên

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2016

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH HĐQT**



Mai Xuân Ngọt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số : 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014
- Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29-06-2006
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP tổ chức ngày 28-04-2016 tại Hội trường số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, T/p Hải Phòng với sự tham dự của 291 cổ đông, đại diện 14.186.700 cổ phần, chiếm 71,00% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo HĐQT, BKS năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 3. Thông qua kết quả SXKD và đầu tư năm 2015 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội; cụ thể như sau:

a. Kết quả SXKD năm 2015

- + Sản lượng : 1.868.384 tấn & 11.493 TEU, đạt 103,80% KH
- + Tổng doanh thu SXKD : 695.322.884.393đ đạt 102,25% KH
- + Lợi nhuận trước thuế : (39.706.400.956)đ

b- Thanh lý tàu biển : Bán 01 tàu (tàu Hà Nam)

Điều 4. Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội; gồm các chỉ tiêu sau:

a. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- + Sản lượng : 1.700.000 tấn
- + Tổng doanh thu SXKD : 652.958.000.000đ
- + Lợi nhuận trước thuế : Giảm lỗ tối đa

(Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm các hợp đồng dài hạn, kinh doanh đội tàu linh hoạt, cắt giảm chi phí hơn nữa; tiếp tục cơ cấu nợ để giảm lỗ tối đa và hướng tới mục tiêu cân bằng thu chi trong năm 2016)



b. Kế hoạch đầu tư: Mua 01 tàu đã qua sử dụng nếu điều kiện thuận lợi, ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định và triển khai thực hiện.

Điều 5. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tại tờ trình số 142/TTr-HĐQT, ngày 15 tháng 04 năm 2016 của HĐQT Công ty với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (*Chi tiết nội dung tờ trình được đính kèm theo*)

Điều 6. Thông qua mức chi thù lao HĐQT, BKS năm 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội; cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| - Chủ tịch HĐQT | : 3.000.000đ/tháng |
| - Phó chủ tịch & ủy viên HĐQT | : 2.000.000đ/người/tháng |
| - Trưởng BKS | : 2.000.000đ/tháng |
| - Ủy viên BKS và Thư ký HĐQT | : 1.000.000đ/người/tháng |

Điều 7. Thống nhất ủy quyền cho hội đồng quản trị công ty lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam hoặc Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 8. Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty CP vận tải biển Vinaship tối đa là 49% vốn điều lệ với tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 10. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2016, tất cả các cổ đông của Công ty, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty căn cứ Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Tp HCM
- Cổ đông công ty
- Các thành viên HĐQT, BKS
- Ban điều hành
- Lưu VP HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Mai Xuân Ngọt

Số: 142/TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship

Kính thưa các quý cổ đông!

Điều lệ cũ của Công ty được xây dựng và dẫn chiếu các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005. Ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua và có hiệu lực thi hành vào ngày 01 tháng 07 năm 2015.

Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định của pháp luật liên quan, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát và xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt các sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Ngọt

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty
- Lưu VP-HĐQT

PHỤ LỤC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Đính kèm Tờ trình số 142/TTr.-ĐHĐCD ngày 15 tháng 04 năm 2016)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Bản Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày <u>29/11/2005</u>;- <u>Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần</u>;- Quyết định số 2264/QĐ - BGTVT ngày 24/10/2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Vận tải biển III, đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần;- Các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.- <u>Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng</u>	<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Bản Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số <i>68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014</i>;- Quyết định số 2264/QĐ - BGTVT ngày 24/10/2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Vận tải biển III, đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần;- Các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	<p>Sửa đổi cho phù hợp với thời gian sửa đổi điều lệ</p>
<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ</p>	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được</p>	

<p>được hiểu như sau:</p> <p>b. "Vốn điều lệ" là <u>vốn do tất cả cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định</u> và quy định tại khoản 1, Điều 16 Điều lệ này.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>.</p> <p>e. "<u>Pháp luật</u>" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996.</p> <p>đ. "<u>Luật Doanh nghiệp</u>" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005.</p> <p>e. "<u>Cổ đông sáng lập</u>" là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.</p> <p>m. "<u>Người có liên quan</u>" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.</p>	<p>hiểu như sau:</p> <p>b. "Vốn điều lệ" là <i>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại</i> và quy định tại khoản 1, Điều 16 Điều lệ này.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <i>doanh nghiệp lần đầu</i>.</p> <p>đ. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số <i>68/2014/QH13 ngày 26/11/2014</i></p> <p>f. "<u>Cổ đông sáng lập</u>" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và kí tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</p> <p>k. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa để thống nhất với định nghĩa về vốn điều lệ của LDN 2014</p> <p>Phù hợp về thời gian sửa đổi, điều lệ.</p>
<p>II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty</p>	<p>II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty</p> <p>2. Ngành nghề kinh doanh: Thêm mục 15. <i>Các ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 7 LDN 2014</p>
<p>Điều 6. Thời gian hoạt động</p> <p>1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cấp có thẩm quyền cho phép.</p>	<p>Điều 6. Thời gian hoạt động</p> <p>1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <i>doanh nghiệp lần đầu</i>. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cấp có thẩm quyền</p>	

	cho phép	
<p>CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP</p> <p>MỤC 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG KINH DOANH CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 11. Quyền trong kinh doanh</p> <p>4. Thành lập mới các công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty <u>liên doanh</u>, công ty cổ phần, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Kinh doanh những ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>; đăng ký thay đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP</p> <p>MỤC 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG KINH DOANH CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 11. Quyền trong kinh doanh</p> <p>4. Thành lập mới các công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, công ty cổ phần, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Kinh doanh những ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký thay đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>Theo quy định tại Điều khoản 1, Điều 7 LDN 2014 - Quyền của Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 12. Nghĩa vụ trong kinh doanh</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>; bảo đảm đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ trong kinh doanh</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.</p>	<p>Sửa để thống nhất với thuật ngữ của Luật doanh nghiệp</p>
<p>CHƯƠNG IV: VỐN HOẠT ĐỘNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU – CỔ ĐÔNG</p> <p>MỤC 2: CỔ PHẦN</p> <p>Điều 18. Cổ phần</p>	<p>CHƯƠNG IV: VỐN HOẠT ĐỘNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU – CỔ ĐÔNG</p> <p>MỤC 2: CỔ PHẦN</p> <p>Điều 18. Cổ phần</p>	<p>Theo quy định tại Điều 6 Điều lệ mẫu đính kèm</p>

<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ ương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. <u>Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đó chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</u></p>	<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ ương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đó chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán <i>theo phương thức đấu giá.</i></p>	<p>Thông tư 121/2012</p>
<p>Điều 19. Chào bán cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc chào bán cổ phần bằng cách <u>phát hành chứng khoán ra công chúng phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc chào bán sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.</u> 2. <u>Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của pháp luật và phải được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</u> 3. <u>Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm a, b, c, khoản 1, Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.</u> 4. <u>Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 2, Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.</u> 	<p>Điều 19. Chào bán cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.</i> 2. <i>Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;</i> b. <i>Chào bán ra công chúng;</i> c. <i>Chào bán cổ phần riêng lẻ.</i> 3. <i>Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.</i> 4. <i>Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.</i> 	<p>Theo quy định tại Điều 122 LDN 2014. Các quy định cụ thể của từng hình thức chào bán áp dụng theo LDN 2014</p>

<p>5. Việc mua, bán cổ phần được coi là hoàn tất thủ tục khi các thông tin về người mua cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần đó trở thành cổ đông của Công ty.</p> <p>6. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.</p>		
<p>Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập. Sau thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ.</p> <p>3. Cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức</p>	<p>Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu</p>	<p>Theo quy định tại Điều 126 LDN 2014</p>

	<p><i>mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</i></p> <p>5. <i>Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</i></p>	
<p>Điều 22. Mua lại cổ phần</p> <p>1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. Công ty có quyền mua lại <u>trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u></p> <p>b. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng.</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>a. <u>Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.</u></p> <p>b. <u>Công ty và cổ đông có thể thỏa thuận về giá mua lại cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường trong thời 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là</u></p>	<p>Điều 22. Mua lại cổ phần</p> <p>1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. <i>Việc mua lại cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp.</i> Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. <i>Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</i></p> <p>2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>a. <i>Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</i></p> <p><i>b.</i> <i>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 121/2012 và Điều 111 LDN 2014</p>

<p><u>quyết định cuối cùng.</u></p> <p>3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 92</u> Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	<p><i>Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</i></p> <p>3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	
<p>Điều 23. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan. cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn bình quân của bốn ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và <u>Angribank</u>) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.</p>	<p>Điều 23. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan. cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (<i>Không quá mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng Nhà Nước công bố</i>) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.</p>	
<p>MỤC 3: CỔ PHIẾU</p> <p>Điều 24. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. <u>Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 của Điều này.</u></p> <p>2. <u>Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</u></p> <p>3. <u>Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công</u></p>	<p>MỤC 3: CỔ PHIẾU</p> <p>Điều 24. Cổ phiếu</p> <p>1. <i>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p>a. <i>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</i></p> <p>b. <i>Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</i></p> <p>c. <i>Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</i></p> <p>d. <i>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</i></p> <p>e. <i>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</i></p> <p>f. <i>Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 120 LDN 2014</p>

<p>ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. <u>Trường hợp chỉ chuyên nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u></p> <p>6. <u>Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</u></p> <p>7. <u>Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyên nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyên nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyên nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</u></p>	<p><i>g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</i></p> <p><i>h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</i></p> <p>2. <i>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</i></p> <p>4. <i>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</i></p> <p><i>a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</i></p> <p><i>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</i></p> <p>5. <i>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</i></p>	
<p>MỤC 4: CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 27. Quy định chung về cổ đông</p> <p>2. <u>Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</u></p> <p>3. <u>Cổ đông sáng lập:</u></p> <p>a. <u>Cổ đông sáng lập của Công ty:</u></p> <p>- <u>Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Đại diện phần vốn</u></p>	<p>MỤC 4: CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 27. Quy định chung về cổ đông</p> <p>4. <i>Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 1. Phụ lục 1 được đính kèm Điều lệ này và là phần không tách rời của Điều lệ.</i></p>	<p>Bỏ các quy định không còn phù hợp với thực tiễn</p>

<p><u>Nhà nước.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ đông tổ chức có người đại diện theo uỷ quyền trúng cử thành viên Hội đồng quản trị.</u> - <u>Cổ đông cá nhân trúng cử thành viên Hội đồng quản trị.</u> <p>b. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 1. Phụ lục 1 được đính kèm Điều lệ này và là phần không tách rời của Điều lệ.</p> <p>c. <u>Các quy định về cổ đông sáng lập như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</u> - <u>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2, Điều 84 Luật Doanh nghiệp.</u> - <u>Trường hợp cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo quy định tại khoản 3, Điều 84 Luật Doanh nghiệp.</u> - <u>Cổ đông sáng lập của Công ty đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:</u> <ul style="list-style-type: none"> + <u>Cổ đông cá nhân chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</u> + <u>Cổ đông tổ chức kết thúc hoạt động</u> 		
<p>Điều 28. Quyền của cổ đông</p> <p>Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông của Công ty có quyền:</p> <p>1. <u>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc</u></p>	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông</p> <p>Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông của Công ty có quyền:</p> <p><i>1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 114 LDN</p>

<p><u>thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo quy chế Đại hội; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</u></p> <p>9. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông ủy quyền được coi là đã tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký <u>kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p><i>do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i></p> <p>Bỏ khoản 9</p> <p>11. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký <i>doanh nghiệp</i> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p>2014</p> <p>Bỏ khoản 9 vì trùng nội dung với khoản 1</p>
<p>Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>d. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo quy chế Đại hội</u>. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>d. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc <i>các hình thức khác do pháp luật quy định</i>. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>CHƯƠNG V: TỔ CHỨC – QUẢN LÝ – ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 30. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p>	<p>CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC – QUẢN TRỊ – VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 30. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, <i>quản trị và kiểm soát</i> của Công ty bao gồm:</p>	

<p>Điều 32. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định <u>bằng văn bản</u> về các vấn đề sau:</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, <u>và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</u></p> <p>l. <u>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u></p> <p>o. Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 <u>Điều 120</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Điều 32. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.</p> <p><i>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</i></p> <p>o. Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 <i>Điều 162</i> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <i>35%</i> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p>	<p>Theo Điều 115 LDN 2014</p>
<p>Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><i>c/- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại</i></p>	<p>Bỏ khoản 1, bị trùng nội dung với khoản 1, Điều 31</p> <p>Sửa theo điểm a khoản 1 Điều 156 LDN</p>

<p>c/- <u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ</u></p>	<p><i>Điều lệ này. Trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</i></p>	
<p>Điều 34. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được uỷ quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><u>Trong trường hợp một cổ đông tổ chức mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị Công ty các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</u></p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng</p>	<p>Điều 34. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được uỷ quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp...</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Bỏ quy định không còn phù hợp với thực tiễn</p>

<p>cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>		
<p>Điều 36. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 33 hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 33. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</u> b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có</u> 	<p>Điều 36. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 33 hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 33. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</i> b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. <i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có</i> 	<p>Theo quy định tại Điều 137 và Điều 139 LDN 2014</p>

<p><u>thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 12 Điều 28 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><i>thể tiếp cận.</i></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <i>khoản 11</i> Điều 28 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	
<p>Điều 37. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>65% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</p>	<p>Điều 37. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51% tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>33% tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần</p>	<p>Theo quy định tại Điều 141 LDN 2014</p>

<p>trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản.3 Điều 36 của Điều lệ này.</p>	<p>hai, Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>13. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p><i>a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</i></p> <p><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i></p> <p><i>d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Thêm điều khoản này theo quy định tại khoản 2, Điều 140 LDN 2014</p>
<p>Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Trừ trường hợp quy định tại Khoản d của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>a. <u>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></p> <p>b. <u>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</u></p> <p>c. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều</u></p>	<p>Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p><i>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>b. Định hướng phát triển công ty;</i></p> <p><i>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 143, 144 LDN 2014.</p>

hành.

- d. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định,

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử

	<p><i>viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</i></p> <p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	
<p>Điều 40. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười lăm (15)</u> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>, nơi đăng ký kinh doanh của 	<p>Điều 40. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>nghị quyết</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười (10)</u> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; 	<p>Theo quy định tại Điều 145 LDN 2014</p>

<p>công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có</p>	<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p>	
--	---	--

<p>ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>5. <u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u>, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p>	<p>Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội</p>	<p>Theo quy định tại Điều 146 LDN 2014</p>

<p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có). Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
---	---	--

<p>Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, <i>nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 11, Điều 28</i> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Theo quy định tại Điều 147 LDN 2014</p>
	<p>Điều 43. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.</i> 2. <i>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.</i> 3. <i>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam có quyết định khác.</i> 	<p>Thêm điều này theo quy định tại Điều 148 LDN 2014</p>
<p>MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 43. Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, làm việc theo chế độ tập thể. - Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty. <p>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 44. Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, làm việc theo chế độ tập thể. - Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty. <p>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của 	

<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên <u>Hội đồng quản trị độc lập không điều hành</u> phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử trực tiếp tại Đại hội cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu và thoả mãn điều kiện <u>trúng cử theo Điều 39</u>.</p> <p>3. <u>Những thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử trực tiếp tại Đại hội cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu và thoả mãn điều kiện <i>ứng cử, đề cử theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này.</i></p> <p style="text-align: center;">Bỏ khoản 3</p>	<p>Theo khuyến nghị của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121/2012 và Điều 150 LDN 2015</p> <p>Bỏ khoản 3 vì quy định này không còn phù hợp với thực tiễn</p>
<p>Điều 45. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p>Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><i>a/- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm, ngân sách hàng năm của công ty;</i></p> <p><i>b/- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội cổ đông thông qua</i></p> <p><i>c/- Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công</i></p>	<p>Thêm điều khoản này theo quy định tại Điều 149 LDN 2014</p>

ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

d/- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e/- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.

f/- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

g/- Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được đại hội cổ đông ủy quyền;

h/- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

i/- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

j/- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k/- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

l/- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và

<p>4/- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c/- Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 108</u>. của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 120</u>. Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ</p>	<p><i>quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</i></p> <p><i>m/- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</i></p> <p><i>n/- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>o/- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i></p> <p><i>p/- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>q/- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i></p> <p><i>r/- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</i></p> <p><i>s/- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p> <p>4/- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn :</p> <p>c/- Trong phạm vi quy định tại <i>Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</i> và trừ trường hợp quy định tại <i>Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty</p>	<p>Trích dẫn lại theo luật doanh nghiệp 2014</p>
---	---	--

<p>các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p>	<p>(bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh)</p>	
<p>Điều 48. Hoạt động của Hội đồng quản trị <i>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: <ol style="list-style-type: none"> a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười lăm</u> ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng 	<p>Điều 48. Hoạt động của Hội đồng quản trị <i>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: <ol style="list-style-type: none"> a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch 	<p>Theo quy định tại Điều 153 LDN 2014</p>

<p>quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>năm</u> ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ</p>	<p>phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	
---	--	--

<p>nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách <u>thích đáng</u>;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản Điểm a Khoản 4 và Điểm b Khoản 4 <u>Điều 62</u> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>10. Biểu quyết.</p> <p>e. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>f. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>g. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không</p>	
---	--	--

<p>phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>12. <u>Hop trên điện thoại hoặc các hình thức khác.</u> Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp</p>	<p>được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>h. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản Điểm a Khoản 4 và Điểm b Khoản 4 Điều 63 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>c. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>d. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các</p>	
--	--	--

<p>qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>14. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p> <p>15. <u>Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u> Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm</p>	<p>thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>c. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít</p>	
---	--	--

<p>một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. <u>Giá trị pháp lý của hành động.</u> Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
<p>Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	

<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, <u>Điều 44</u> Điều lệ này; - Có đơn xin từ chức ; - Chết, mất trí, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù theo quy định của pháp luật; - Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Cổ đông tổ chức do người này đại diện có đơn đề nghị; - Công ty bị giải thể, phá sản. <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá mức một phần ba so với số qui định của điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba để bầu bổ xung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ này; - Có đơn xin từ chức ; - Chết, mất trí, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù theo quy định của pháp luật; - Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Cổ đông tổ chức do người này đại diện có đơn đề nghị; - Công ty bị giải thể, phá sản. <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá mức một phần ba so với số qui định của điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 1, Điều 44 Điều lệ này.</p> <p>Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 156 LDN 2014</p>
<p>MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT Điều 64. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p>	<p>MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT Điều 65. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 163 LDN 2014</p>

<p>2. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.</p> <p>3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát. <u>Ban kiểm soát phải có 2/3 thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất 01 (một) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>4. <u>Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.</u></p>	<p>2. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.</p> <p>3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</i></p>	
<p>Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. <u>Trưởng ban kiểm soát phải có trình độ đại học, am hiểu nghiệp vụ kinh doanh, kế toán của Công ty.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.</u></p>	<p>Điều 66. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p style="text-align: center;">Bỏ khoản 3,4</p>	<p>Theo quy định tại Điều 163 và Điều 164 LDN 2014</p>
<p>CHƯƠNG VI: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</p> <p>Điều 70. Chế độ và quyền lợi của người lao động</p> <p>1. Chế độ tuyển dụng : Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các qui chế có liên quan của Công ty.</p> <p>2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:</p> <p>- <u>Người lao động đang làm việc cho Công ty Vận tải biển III chuyên sang Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với lao động tự nguyện chấm</u></p>	<p>CHƯƠNG VI: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</p> <p>Điều 71. Chế độ và quyền lợi của người lao động</p> <p>1. Chế độ tuyển dụng : Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các qui chế có liên quan của Công ty.</p> <p>2. <i>Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty theo các quy định của pháp luật lao động hiện hành.</i></p>	<p>Bỏ quy định không còn phù hợp với thực tiễn</p>

<p><u>dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tiếp tục thực hiện.</u> - <u>Sau 12 tháng kể từ khi Công ty Vận tải biển III chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Nhà nước.</u> 		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VII : HẠCH TOÁN - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ</p> <p>Điều 71. Năm tài chính, hạch toán của Công ty</p> <p>1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>doanh nghiệp kinh doanh</u> và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VII : HẠCH TOÁN - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ</p> <p>Điều 72. Năm tài chính, hạch toán của Công ty</p> <p>1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <i>doanh nghiệp lần đầu</i> và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.</p>	<p>Sửa để thống nhất với thuật ngữ của LDN 2014</p>
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IX: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p> <p>Điều 78. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 76</u> của Điều lệ này, và trong thời hạn <u>60 (sáu mươi)</u> ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm <u>đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u> cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IX: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p> <p>Điều 78. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 77 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả</p>	<p>Sửa để phù hợp với thực tiễn áp dụng</p>

<p>hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khác quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực một cách khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính</p> <p>3. Công ty phải lập báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK tp.HCM, đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên <u>một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo.</u></p>	<p>hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khác quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực một cách khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK tp.HCM, đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo.</p>	
<p>Điều 78. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng. <u>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 79. Báo cáo thường niên <i>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 121/2012</p>
<p>CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC</p> <p>Điều 84. Con dấu</p> <p>1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của luật pháp hiện hành.</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của luật pháp hiện hành.</p>	<p>CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC</p> <p>Điều 85. Con dấu</p> <p>1. <i>Công ty có một con dấu.</i> Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của luật pháp hiện hành.</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc quản lý, sử dụng</p>	<p>Theo quy định tại Điều 44 LDN 2014</p>

	con dấu theo quy định của luật pháp hiện hành.	
<p>Điều 86. Đăng ký và hiệu lực của Điều lệ</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XII chương <u>86</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship nhất trí sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày <u>28 tháng 06 năm 2013</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .</p> <p>2. <u>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</u></p> <p>a. <u>01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</u></p> <p>b. <u>05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</u></p> <p>c. <u>04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty</u></p>	<p>Điều 87. Đăng ký và hiệu lực của Điều lệ</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XII chương <u>87</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship nhất trí sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày tháng năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p style="text-align: center;">Bỏ khoản 2</p>	<p>Bỏ khoản 2 vì quy định này không mang tính bắt buộc</p>
<p><i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản.</i></p>		

Lưu ý: Sau khi các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho phù hợp mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.